

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 439/2025/HS-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 219/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Thị Mộng C; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 418/2025/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2025/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2025, đối với:

- Bị cáo có kháng cáo: Bùi Thị Mộng C, sinh năm 2001 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Bùi Văn Q; Mẹ: Nguyễn Thị N; Chồng: Trần Tuấn T và có 01 người con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số A, Công an Thành phố H (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Mộng C: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại: Ông Cún Sìn M, sinh năm 1991. Nơi cư trú: 13A, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai);

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn D2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Mộng C là người không có việc làm và nợ tiền của nhiều người. Lợi dụng cha mẹ C làm việc ở Công ty Cổ phần C3 (địa chỉ số B Đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; viết tắt là Công ty C3) là doanh nghiệp đang đầu tư trồng chuối nên C biết thông tin về giá cả, quy trình mua bán giữa Công ty C3 với các cá nhân kinh doanh chuối. Từ đó, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu mua chuối, C mạo danh thành Nguyễn Thị Ngọc C1 là nhân viên Công ty C3 và thông tin có nguồn chuối từ Công ty C3 bán với giá rẻ để liên hệ bán anh Cún S Mênh dùng thủ đoạn gian dối và bịa đặt bản thân có, chào mời anh mua chuối giá rẻ nhưng thực tế Cầm lừa dối chiếm đoạt tiền của anh M để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Thông qua bạn bè trên mạng xã hội Zalo, anh M liên hệ với C (số điện thoại 0328726865) để hỏi mua chuối thì Cầm gian dối mạo danh Nguyễn Thị Ngọc C1 và bịa đặt đang giữ vị trí việc làm quản lý đội đóng chuối của Công ty C3 nên có nguồn chuối giá rẻ. Để củng cố niềm tin, ngày 20/10/2024, C dẫn anh M đến vườn chuối của Công ty C3 tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bịa đặt là C đã ký hợp đồng mua 80 container chuối tại vườn này, hứa hẹn bán lại cho anh M với giá chỉ 6.900 đồng/kg. Thấy sản phẩm đẹp, giá rẻ nên anh M tin tưởng là thật đã đồng ý mua và chuyển tiền số tiền 50 triệu đồng đặt cọc từ tài khoản số 160493 tại ngân hàng S2 đứng tên Sú S (sinh năm 1994; trú tại ấp T, xã B, huyện T, Đồng Nai) đến tài khoản số 101875684605 tại ngân hàng V1 đứng tên Nguyễn Thị Ngọc C1 (sinh ngày 20/9/2006; trú tại ấp T, xã N, huyện C, Tiền Giang) theo chỉ dẫn của C, kèm nội dung “*Ck tien coc 80cont hang vung tau gia 6900 chuoai mo*” mà không biết thực chất đã bị lừa đảo chiếm đoạt. Số tiền chiếm đoạt được, C chỉ dẫn chị C1 chuyển 50 triệu đồng đến tài khoản số 6003205599467 tại ngân hàng A đứng tên Nguyễn Võ Đình V (sinh năm 1992; trú tại khu phố H, thị trấn N, huyện C) rồi nhờ V rút tiền mặt đưa cho C để trả nợ, tiêu xài cá nhân.

Khoảng hơn 07 giờ ngày 22/10/2024, C (mạo danh Chân) tiếp tục yêu cầu anh M chuyển thêm 450 triệu đồng tiền đặt cọc mua chuối và hẹn đến Phòng C4 tại B B, phường C, thành phố V để ký hợp đồng đặt cọc; đồng thời, C thuê Huỳnh Văn Thái T1 (sinh năm 2002; trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang) là đối tượng chạy xe ôm chở C và đóng giả chồng C để ký “Hợp đồng đặt cọc” ngày 22/10/2024 trị giá 500 triệu đồng với anh M (nhưng không công chứng), còn C cũng ký mạo danh là Nguyễn Thị Ngọc C1 vào hợp đồng. Sau đó, anh M nhờ tài khoản của chị Sú S1 Lầm chuyển khoản số tiền 450 triệu đồng đến tài khoản số

070128633926 tại Ngân hàng S2 đứng tên Huỳnh Văn Thái T1 kèm nội dung: “*cun sin menh ck tien mua chuoai gia 6900/kg 80cont chuoai mo cua cty cao su thong nhat*” mà không biết thực chất đã bị C lừa đảo chiếm đoạt. Số tiền chiếm đoạt được, C trả tiền xe ôm cho T1 05 triệu đồng và chỉ dẫn T1 chuyển 300 triệu đồng đến tài khoản 060242779579 tại Ngân hàng S2 đứng tên Phan Duy M1 (sinh năm 2002; trú tại: 1 H, phường T, Quận A, TP H) và chuyển 80 triệu đồng đến tài khoản 060320128431 tại Ngân hàng S2 của Thạch Thanh Đ (sinh năm: 1979; trú tại 1 Khu phố D, thị trấn H, huyện H, TP H) và rút ra 60 triệu đồng tiền mặt để Cầm mua vàng tại tiệm V2, số A N, phường C, thành phố V.

Sau khi chuyển tiền cọc cho C, anh M yêu cầu C cung cấp bản hợp đồng mua bán chuối giữa Cầm với Công ty C3 thì ngày 26/10/2024, Cầm gian dối gửi hình ảnh “*Bảng thống kê số lượng chuối lô 1 đến lô 5 (từ ngày 10/11/2024 đến ngày 10/12/2024*” qua mạng xã hội Zalo cho anh M để làm tin. Đến ngày 30/10/2024, Cầm gửi qua mạng xã hội Zalo hình ảnh “Hợp đồng mua bán nông sản” ngày 04/12/2023 của Công ty C3 (hợp đồng thật) cho Nguyễn Văn D2 là chủ tiệm P (ở thôn Đ, xã S, huyện C) để thuê D2 làm giả tài liệu này. Tuy không hứa hẹn trước, không biết động cơ, mục đích làm giả tài liệu của C; thế nhưng D2 đã đồng ý sử dụng công cụ, phần mềm máy tính và máy in phun màu làm giả 05 (năm) bản “Hợp đồng mua bán nông sản” trị giá 11,04 tỷ đồng/hợp đồng của Công ty C3 có hình thức, nội dung như hợp đồng thật nhưng thay tên người đại diện Công ty C3 (Bên A) là Trần Văn N1 (Chủ tịch HĐQT), bên mua (Bên B) là Nguyễn Thị Ngọc C1 và thời gian ký kết đề ngày 05/10/2024 (1 bản), ngày 28/10/2024 (4 bản) đóng sẵn dấu Công ty C3 rồi giao cho C và D2 được C trả 30 ngàn đồng tiền công.

Ngày 31/10/2024, C dẫn anh M đến vườn chuối tại xã Đ, huyện C rồi gian dối đưa cho anh M xem bản “Hợp đồng mua bán nông sản” giả ngày 05/10/2024 đã được C ký sẵn (cả bên mua lẫn bên bán) để anh M tin tưởng là Cầm có chuối giao cho anh M theo hợp đồng đặt cọc ký ngày 22/10/2024. Đến ngày 04/11/2024, tại Phòng C4 thành phố V, C tiếp tục sử dụng “Hợp đồng mua bán nông sản” ngày 28/10/2024 giả để yêu cầu anh M chuyển thêm 1,5 tỷ đồng tiền đặt cọc mua chuối. Anh M kiểm tra hợp đồng, nghi ngờ con dấu và họ tên chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty C3 là giả nên tố giác Cầm đến Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 176/KL-KTHS-TL ngày 13/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh, xác định: “*Hình dấu trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên mẫu so sánh ký hiệu M đóng ra. Các hình dấu được làm giả bằng phương pháp in phun màu.*”

Xác minh tại Công ty C3 xác định Trần Văn N1 không phải là Chủ tịch HĐQT của công ty và Công ty C3 cũng không ký các “Hợp đồng mua bán nông sản” với Bùi Thị Mộng C, Nguyễn Thị Ngọc C1, Huỳnh Văn Thái T1.

Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Thị Mộng C và Nguyễn Văn D2 đã khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên và công nhận kết quả điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị N, mẹ bị cáo C đã khắc phục số tiền 400 triệu đồng cho anh C2 Sìn Mãnh. Đối với số tiền 100.000.000 đồng còn lại, anh M không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho C.

Các nội dung khác có liên quan:

- Đối với Huỳnh Văn Thái T1: Quá trình điều tra xác định T1 hành nghề chạy xe ôm; ngày 22/10/2024, Cầm nói dối bị mất căn cước nên thuê T1 chở đi lại và nhờ T1 ký hợp đồng đặt cọc ngày 22/10/2024 với anh Cún Sìn M, nhận chuyển khoản số tiền 450 triệu đồng. Do kết quả điều tra không có chứng cứ xác định T1 đồng phạm với C, hay có hành vi chứa chấp, che giấu hoặc không tố giác tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với T1 theo vụ án này là có cơ sở.

- Đối với Phan Duy M1, Thạch Thanh Đ: Quá trình điều tra xác định sau khi chiếm đoạt số tiền 450 triệu đồng, C chỉ dẫn Huỳnh Văn Thái T1 chuyển tiền vào tài khoản của M1 số tiền 300 triệu đồng, chuyển vào tài khoản của Đ số tiền 80 triệu đồng để mua vật dụng chơi game. Sau đó, C tiếp tục chỉ dẫn M1 chuyển tiền đến các tài khoản do C cung cấp. Do kết quả điều tra không có chứng cứ xác định M1, Đ đồng phạm với C, hay có hành vi chứa chấp, che giấu hoặc không tố giác tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với M1, Đ theo vụ án này là có cơ sở.

- Đối với Thạch Thanh Đ: Quá trình điều tra, Đ khai vào tháng 05/2024, Đ đến các ngân hàng trên địa bàn huyện H, TP H lập 08 tài khoản ngân hàng để bán 08 tài khoản này cho đối tượng (không rõ lai lịch) tại tỉnh Tây Ninh và hưởng lợi 24 triệu đồng. Xét hành vi trên không xảy ra trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên Cơ quan điều tra chuyển hành vi mua bán, trao đổi tài khoản ngân hàng của Đ đến Công an tỉnh T để điều tra, xử lý.

- Đối với Nguyễn Thị Ngọc C1, Nguyễn Võ Đình V: Quá trình điều tra xác định C1, V được C nhờ chuyển khoản giúp. Do kết quả điều tra không có chứng cứ xác định C1, V đồng phạm với C, hay có hành vi chứa chấp, che giấu hoặc không tố giác tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với C1, V theo vụ án này là có cơ sở (BL 258-261, 292- 294).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 418/2025/HS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Mộng C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Nguyễn Văn D2 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Mộng C 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Mộng C 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt tù chung là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/11/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D2; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, bị cáo Bùi Thị Mộng C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Thị M2 Cầm giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Mộng C 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo đã khắc phục cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Mộng C, giảm cho bị cáo Bùi Thị M2 Cầm 01 (một) năm tù cho bị cáo đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Mộng C trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Thị Mộng C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ. Tuy nhiên đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 1 (Một ba) năm tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã khắc phục toàn bộ cho bị hại, bị hại chỉ lấy lại số tiền 400.000.000 đồng, cho lại bị cáo số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, gia đình bị cáo khó khăn, cha bị cáo chết, mẹ bị cáo đã già, con bị cáo còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Mộng C làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị Mộng C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Bùi Thị Mộng C có cha, mẹ làm trong Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất tỉnh C3 là doanh nghiệp đang đầu tư trồng chuối nên C biết thông tin về giá cả, quy trình mua bán chuối của Công ty. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác bằng hình thức mạo danh là nhân viên quản lý đội đóng chuối của Công ty tại xã Đ, huyện C có tên Nguyễn Thị Ngọc C1 và đưa ra thông tin Công ty C3 có nguồn chuối giá rẻ để thỏa thuận mua bán chuối với ông Cún Sìn M; Để củng cố niềm tin bị cáo C đã đưa ông M đến vườn chuối của Công ty C3, cung cấp thông tin cho ông M là bị cáo đã ký ký hợp đồng mua của Công ty H container chuối và hứa hẹn bán lại cho ông M với giá chỉ 6.900 đồng/kg. Do tin tưởng bị cáo nên ông M đã đồng ý mua chuối và đặt cọc trước 50.000.000 đồng cho bị cáo C (chuyển khoản qua tài khoản của Nguyễn Võ Đình V). Tiếp đến ngày 22/10/2024 hai bên ký hợp đồng đặt cọc mua bán 80 container chuối, bị cáo C yêu cầu ông M đặt cọc thêm và ông M đã chuyển khoản 450.000.000 đồng cho C (qua tài khoản của Huỳnh Văn Thái T1).

Sau khi chuyển tiền cọc cho bị cáo, ông M yêu cầu bị cáo cung cấp bản chính hợp đồng mua bán giữa bị cáo C với Công ty C3 thì bị cáo gửi hình ảnh “*Bảng thống kê số lượng chuối lô 1 đến lô 5 (từ ngày 10/11/2024 đến ngày 10/12/2024)*” qua mạng zalo cho ông M. Đến ngày 30/10/2024 bị cáo C đã gửi một bản “Hợp đồng mua bán nông sản” (hợp đồng thật) của Công ty C3 qua mạng zalo cho ông Nguyễn Văn D2 để thuê D2 làm giả 05 bản “Hợp đồng mua bán nông sản” ngày 05/10/2024 và ngày 28/10/2024 giữa bên bán là Công ty C3 (do ông Trần Văn N1 – Chủ tịch HĐQT) với bên mua là bà Nguyễn Thị Ngọc C1. Đến ngày 31/10/2024, bị cáo C đưa bản hợp đồng giả đề ngày 05/10/2024 cho ông M nên ông M tin là thật, đến 04/11/2024, bị cáo tiếp tục đưa bản hợp đồng giả đề ngày 28/10/2024 cho ông M để yêu cầu ông M chuyển thêm 1,5 tỷ đồng tiền cọc. Khi xem hợp đồng mua bán đề ngày 28/10/2024 do bị cáo đưa, ông M nghi ngờ con dấu giả nên tố cáo đến Cơ quan điều tra. Theo đó, bị cáo C đã chiếm đoạt của ông M 500.000.000 đồng và sử dụng 05 tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Với hành vi và hậu quả nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Bùi Thị Mộng C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D2, tuy không hứa hẹn trước, không biết động cơ, mục đích của C, nhưng khi được C thuê làm giả tài liệu của Công ty C3 thì D2 đã đồng ý sử dụng công cụ, phần mềm máy tính và máy in phun màu làm giả

05 (năm) bản “Hợp đồng mua bán nông sản” của Công ty C3 được Cầm trả 30.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thị Mộng C:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực nhận thức nhưng vì để có tiền trả nợ cho bản thân và tiêu xài cá nhân bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của người bị hại. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại tổng cộng hai lần, lần thứ nhất là 50.000.000 đồng, lần thứ hai là 450.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 500.000.000 đồng; theo đó Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự nhưng lại đồng thời áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp, bất lợi cho bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 400.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng bị hại không yêu cầu bồi thường và gia đình bị cáo có công với cách mạng, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường thêm theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Thị Mộng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D2; về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Mộng C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 418/2025/HS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Mộng C.

2. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Mộng C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Mộng C 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Mộng C 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt tù chung là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/11/2024.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Thị Mộng C không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam số 1 - Công an TP.HCM (2)
- (Tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh